

- I. Theo thông tư số 42/2019/TT-BTC ngày 12/7/2019 của BTC về việc giảm thuế TNCN đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế
- II. Theo thông tư số 43/2019/TT-BTC ngày 12/7/2019 của BTC hướng dẫn quy định tại khoản 4 điều 24 nghị định số 82/2018/NĐ-CP
- III. Chế độ dành cho lao động nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi
- IV. Điều kiện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam
- V. Có bắt buộc NSDLĐ chi trả CP y tế, tiền lương trong thời gian điều trị cho những trường hợp NLD bị tai nạn giao thông không?
- VI. Có được trả tiền tương đương mức đóng BHTN trong cùng kỳ trả lương đối với NLD trong thời gian nghỉ thai sản, ốm đau? Có được thay đổi địa điểm làm việc so với nội dung đã ghi cụ thể trong hợp đồng lao động?

▪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)

I. Giảm thuế TNCN đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế

- Theo thông tư số 42/2019/TT-BTC ngày 12/7/2019 của BTC về việc giảm thuế TNCN đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế như sau:

Điều 1: Bãi bỏ thông tư 128/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc giảm thuế TNCN đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế.

Điều 2: Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/8/2019 (Lưu ý: Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, hiệu lực từ ngày 10/4/2008 quy định:

Điều 16: Ưu đãi đầu tư đối với khu công nghiệp, khu kinh tế

5. Giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế.

Ngày 22/5/2018 chính phủ ban hành nghị định số 82/2018/NĐ-CP, hiệu lực từ ngày 10/7/2018 thay thế nghị định số 29/2008/NĐ-CP đã bãi bỏ quy định giảm thuế TNCN đối với cá nhân làm việc trong khu kinh tế).

II. Hướng dẫn quy định tại khoản 4 điều 24 nghị định số 82/2018/NĐ-CP

Theo thông tư số 43/2019/TT-BTC ngày 12/7/2019 của BTC hướng dẫn quy định tại khoản 4 điều 24 nghị định số 82/2018/NĐ-CP

Điều 1. Hướng dẫn quy định tại khoản 4 điều 24 nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của chính phủ

1. Các khoản chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hoặc thuê nhà chung cư và các công trình kết cấu hạ tầng xã hội **phục vụ cho công nhân làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế của doanh nghiệp có dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:**

a) **Đối với giá trị tài sản cố định: Được tính vào giá trị công trình và trích khấu hao tính vào chi phí được trừ khi**

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

- VII. Có được thay đổi địa điểm làm việc so với nội dung đã ghi cụ thể trong hợp đồng lao động?
- VIII. VPĐD chấm dứt hoạt động thì trợ cấp mất việc hay trợ cấp thôi việc đối với nhân sự của VPĐD và trường VPĐD?
- IX. Cá nhân ủy quyền cho DN quyết toán thuế TNCN thì cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về ủy quyền của mình.
- X. Sau khi đã quyết toán thuế TNCN thì không được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng
- XI. Hồ sơ hoàn thuế TNCN đối với tổ chức trả thu nhập khi chứng từ, biên lai nộp thuế TNCN là chứng từ điện tử.
- XII. Nhận quà khuyến mãi (tiền mặt/ hiện vật không phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) không chịu thuế TNCN
- XIII. Tặng suất du lịch khi khách hàng là cá nhân KD và cá nhân không KD mua hàng đạt mức nhất định có chịu thuế TNCN hay không?

xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng điều kiện là tài sản cố định theo quy định của bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

b) **Đối với chi phí** (trừ trường hợp nếu tại điểm a khoản 1 điều này): **được tính vào chi phí được trừ** khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình văn hóa, thể thao, công trình kết cấu hạ tầng xã hội phục vụ công nhân làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế

Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình văn hóa, thể thao, công trình kết cấu hạ tầng xã hội phục vụ công nhân làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế **được hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật về xây dựng nhà ở xã hội** và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/8/2019

2. Các chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hoặc thuê nhà chung cư và các công trình kết cấu hạ tầng xã hội phục vụ cho công nhân làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế phát sinh kể từ ngày 10/7/2018 thực hiện theo quy định tại khoản 4 điều 24 nghị định số 82/2018/NĐ-CP và hướng dẫn tại điều 1 thông tư này.

(Ghi chú: Xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động theo quy định tại điểm d khoản 3 điều 19 thông tư số 78/2014/TT-BTC)

III. Chế độ dành cho lao động nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi

Theo công văn 3235/LĐTBXH-BHXH ngày 05/08/2019 của BLĐTBXH gửi VPCP thì theo quy định tại khoản 5 điều 155 của Bộ luật lao động thì lao động nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi, được nghỉ mỗi ngày 60 phút trong thời gian làm việc thời gian nghỉ vẫn được hưởng đủ tiền lương theo hợp đồng lao động. **Theo đó, lao động nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi, mỗi ngày được nghỉ 60 phút tính vào giờ làm việc (thời gian nghỉ không dựa vào số giờ làm việc của người lao động).**

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

PHAM & ASSOCIATES CONSULTING CO.,LTD

HQ : 7th floor, 248-250 Nguyen Dinh Chieu St, Dist 3, HCMC
Hanoi office: 6th floor, 54 Lang Ha St, Dong Da Dist, Ha Noi

Email: info@phamconsult.com

Tel : [+84-8] 3930 2487

Tel : [+84-4] 3248 4862

Web: phamconsult.com

Fax: [+84-8] 3930 2478

Fax: [+84-4] 3248 4864

- XIV. Hóa đơn điện tử cung cấp cho người mua để vận chuyển hàng hóa hữu hi, nh phải có chữ ký của người bán
- XV. Công ty có thể tự xây dựng chương trình phần mềm về hóa đơn điện tử để sử dụng
- XVI. Khách hàng đã kê khai những hóa đơn hết giá trị sử dụng phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ
- XVII. Về chính sách thuế và hóa đơn trong thời gian bị cưỡng chế hóa đơn.
- XVIII. Hóa đơn điện tử mua vào không có chỉ tiêu ngày ký tên có được khấu trừ thuế GTGT và được tính vào CP được
- XIX. Về thời điểm bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử

IV. Điều kiện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Theo công văn 646/CVL-QHLD ngày 16/7/2019 của BLĐTBXH gửi VPCP thì theo quy định tại điểm a khoản 8 điều 10 của nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/2/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi thành một số điều của Bộ luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung tại nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 thì **đối với người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và đang còn hiệu lực mà làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc ghi trong giấy phép lao động theo quy định của pháp luật thì hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động gồm giấy tờ quy định tại các khoản 1, 5, 6 và 7 điều 10 của nghị định số 11/2016/NĐ-CP và giấy phép lao động hoặc bản sao chứng thực giấy phép lao động đã cấp.**

V. Có bắt buộc NSDLĐ chi trả CP y tế, tiền lương trong thời gian điều trị cho những trường hợp NLD bị tai nạn giao thông không?

Theo công văn 2704/LĐTBXH-ATLD ngày 08/7/2019 của BLĐTBXH gửi VPCP thì để có cơ sở giải quyết chế độ tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc đến nơi ở căn cứ vào biên bản điều tra tai nạn lao động. Căn cứ vào biên bản điều tra tai nạn nêu trên, **trường hợp xác định người lao động bị tai nạn khi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc đến nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý, nếu do lỗi của người khác gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn thì người sử dụng lao động trợ cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 2, điều 39 Luật An toàn vệ sinh lao động. Luật An toàn, vệ sinh lao động không quy định bắt buộc người sử dụng lao động phải chi trả chi phí y tế, tiền lương trong thời gian điều trị tại trường hợp tai nạn nêu trên.**

Khoản 1 điều 4 Bộ luật lao động 2012 quy định khuyến khích những thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động.

VI. Có được trả tiền tương đương mức đóng BHTN trong cùng kỳ trả lương đối với NLD trong thời gian nghỉ thai sản, ốm đau?

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

- XX. Thuế nhà thầu bị khấu trừ khi cung cấp dịch vụ tại nước ngoài có được tính vào CP được trừ?
- XXI. Hướng dẫn xác định chi phí lãi vay theo khoản 3 điều 8 nghị định 20/2017/NĐ-CP
- XXII. Quy định liên quan đến nghiệm thu bảo dưỡng hệ thống phòng cháy, chữa cháy
- XXIII. Kinh doanh BĐS: Về loại hình văn phòng kết hợp lưu trú (officetel)
- XXIV. Công ty có được ủy quyền cho chi nhánh ký hợp đồng và đóng dấu của chi nhánh không?
- XXV. Về việc đăng ký chủ quản của địa điểm kinh doanh
- XXVI. XNK: Số invoice thực tế và số invoice trong C/O không giống nhau hoàn toàn có được chấp nhận cho hưởng ưu đãi thuế quan?
- XXVII. Về việc đề nghị Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc cục Hải Quan TP.HCM dời lại việc kiểm tra sau thông quan.

Theo công văn 372/QHLĐTL-CSLĐ ngày 27/6/2019 của BLĐTBXH gửi VPCP thì theo quy định tại khoản 2 điều 11 nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp thì NLĐ nghỉ việc hưởng chế độ thai sản hoặc ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên không hưởng tiền lương tháng tại đơn vị mà hưởng trợ cấp BHXH, NLĐ tạm hoãn thực hiện HĐLĐ hoặc hợp đồng làm việc đã giao kết theo quy định của pháp luật thì NLĐ không thuộc đối tượng tham gia BHTN trong thời gian này.

Theo quy định tại khoản 3 điều 186 Bộ luật lao động năm 2012 thì NLĐ không thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHYT bắt buộc, BHTN thì ngoài trả lương theo công việc, NSDLĐ có trách nhiệm chi trả thêm cùng với kỳ trả lương của NLĐ một khoản tiền cho NLĐ tương đương với mức đóng BHXH, BHYT, BHTN và tiền nghỉ phép hàng năm theo quy định.

Căn cứ các quy định và nội dung kiến nghị của Công ty thì NLĐ nữ trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản không thuộc đối tượng tham gia BHTN, trong thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản NLĐ không hưởng lương từ doanh nghiệp nên không có căn cứ để doanh nghiệp thực hiện trả khoản tiền tương đương tiền đóng BHTN cùng kỳ trả lương cho NLĐ.

VII. Có được thay đổi địa điểm làm việc so với nội dung đã ghi cụ thể trong hợp đồng lao động?

Theo công văn 372/QHLĐTL-CSLĐ ngày 27/6/2019 của BLĐTBXH gửi VPCP theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 4 nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của bộ uật Lao động đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của chính phủ thì **nội dung HĐLĐ phải ghi rõ phạm vi, địa điểm NLĐ làm công việc đã thỏa thuận; trường hợp NLĐ phải làm việc ở nhiều địa điểm khác nhau thì ghi các địa điểm chính nơi NLĐ làm việc.**

Theo quy định tại điều 35 Bộ luật lao động năm 2012 thì trong quá trình thực hiện HĐLĐ, nếu bên nào có yêu cầu sửa đổi, bổ sung HĐLĐ thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 3 ngày làm việc về những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

Trường hợp hai bên thỏa thuận được thì việc sửa đổi, bổ sung HĐLĐ được tiến hành bằng việc ký kết phụ lục HĐLĐ hoặc giao kết HĐLĐ mới; **trường hợp hai bên không thỏa thuận được việc sửa đổi, bổ sung thì tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động đã giao kết.**

Căn cứ các quy định nêu trên và nội dung kiến nghị của Công ty, trường hợp Cty muốn thay đổi địa điểm làm việc so với nội dung đã ghi trong HĐLĐ thì phải thỏa thuận với NLĐ để sửa đổi HĐLĐ hoặc giao kết HĐLĐ mới, trường hợp không thỏa thuận được thì phải tiếp tục thực hiện HĐLĐ đã giao kết.

VIII. VPĐD chấm dứt hoạt động thì trợ cấp mất việc hay trợ cấp thôi việc đối với nhân sự của VPĐD và trường VPĐD?

Theo công văn 372/QHLĐTL-CSLĐ ngày 27/6/2019 của BLĐTBXH gửi VPCP về việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện (VPĐD) được thực hiện theo quy định tại điều 35, 36, 37 nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về VPĐD, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Hợp đồng lao động (HĐLĐ) giữa NLĐ với VPĐD (đã chấm dứt) được chấm dứt theo quy định tại khoản 7 điều 36 Bộ Luật lao động. Các quyền lợi của NLĐ đã làm việc tại VPĐD được thực hiện theo quy định tại điều 38 nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về VPĐD, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, theo đó: thương nhân nước ngoài có VPĐD, chi nhánh đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho NLĐ đã làm việc tại VPĐD, chi nhánh theo quy định của pháp luật.

Việc chấm dứt HĐLĐ giữa người đứng đầu VPĐD ký với thương nhân nước ngoài không thuộc trường hợp chấm dứt HĐLĐ theo quy định tại khoản 7 điều 36 bộ luật lao động năm 2012 của Việt Nam.

IX. Cá nhân ủy quyền cho DN quyết toán thuế TNCN thì cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về ủy quyền của mình.

Theo công văn 7115/CT-TTHT ngày 08/7/2019 của CT TPHCM căn cứ khoản 2 điều 7 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 quy định **nghĩa vụ của người nộp thuế:**

“Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.”

Căn cứ quy định trên, **cá nhân ủy quyền cho công ty quyết toán thuế TNCN thì cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình; công ty căn cứ vào thực tế và quy định pháp luật để thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế TNCN và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của việc kê khai.**

X. Sau khi đã quyết toán thuế TNCN thì không được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

Theo công văn 7126/CT-TTHT ngày 08/7/2019 của CT TPHCM căn cứ điểm c.2 điều 9 thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế TNCN quy định giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc:

“Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế và có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc. Riêng đối với người phụ thuộc khác theo hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, điều này thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế, quá thời hạn nêu trên thì không được tính giảm trừ gia cảnh cho năm tính thuế đó.”

Căn cứ vào quy định nêu trên và theo trình bày, trường hợp của ông A chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc là con cho năm 2018 và công ty nơi ông A làm việc đã thực hiện quyết toán thuế năm 2018 cho Ông A thì Ông A không được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng. Công ty của Ông A không phải điều chỉnh lại tờ khai quyết toán thuế TNCN.

XI. Hồ sơ hoàn thuế TNCN đối với tổ chức trả thu nhập khi chứng từ, biên lai nộp thuế TNCN là chứng từ điện tử.

Theo công văn 281/TCT-DNNCN ngày 16/7/2019 của TCT gửi CT Thừa Thiên - Huế căn cứ khoản 1, điều 23 thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/8/2015 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung điều 53 thông tư số 165/2013/TT-BTC hướng dẫn về hoàn thuế thu nhập cá nhân.

Căn cứ điều 7 nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của chính phủ quy định về việc chuyển từ chứng từ điện tử sang chứng từ giấy.

Trường hợp tổ chức trả thu nhập đã thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương thức điện tử khi có nhu cầu hoàn thuế thu nhập cá nhân thì nộp hồ sơ đề nghị hoàn theo hướng dẫn tại khoản 1 điều 23 thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/8/2015 của Bộ Tài Chính, **trong đó bản chụp chứng từ, biên lai nộp thuế thu nhập cá nhân được thay bằng chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử theo quy định tại điều 7 nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.**

Tổng cục thuế ghi nhận vướng mắc của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế về hồ sơ hoàn thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập và sẽ nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn khi sửa đổi chính sách hiện hành.

XII. Nhận quà khuyến mãi (tiền mặt/ hiện vật không phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng) không chịu thuế TNCN

Theo công văn 7152/CT-TTHT ngày 08/7/2019 của CT TPHCM căn cứ khoản 10 Điều 2 thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của BTC quy định thu nhập từ nhận quà tặng:

“Điều 10. Thu nhập từ nhận quà tặng

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

Thu nhập từ nhận quà tặng là thu nhập của cá nhân nhận được từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

- a) Đối với nhận quà tặng chứng khoán bao gồm: cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật chứng khoán; cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- b) Đối với nhận quà tặng là phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh bao gồm: vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, vốn trong doanh nghiệp tư nhân, cơ sở kinh doanh của cá nhân, vốn trong các hiệp hội, quỹ được phép thành lập theo quy định của pháp luật hoặc toàn bộ cơ sở kinh doanh nếu là doanh nghiệp tư nhân, cơ sở kinh doanh của cá nhân.
- c) Đối với quà tặng là bất động sản bao gồm: quyền sử dụng đất; quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất; quyền sử dụng nhà, kể cả nhà ở hình thành trong tương lai; kết cấu hạ tầng và các công trình xây dựng gắn liền với đất, kể cả công trình xây dựng hình thành trong tương lai; quyền thuê đất; quyền thuê mặt nước; các khoản thu nhập khác nhận được từ thừa kế là bất động sản dưới mọi hình thức; trừ thu nhập từ quà tặng là bất động sản hướng dẫn tại điểm d, khoản 1, Điều 3 thông tư này.
- d) Đối với nhận quà tặng là các tài sản khác **phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng với cơ quan nhà nước như: ô tô, xe gắn máy, xe mô tô; tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy; thuyền, kể cả du thuyền; tàu bay; súng săn, súng thể thao.**

Căn cứ quy định trên và trình bày của công ty, trường hợp công ty có thực hiện chương trình **khuyến mãi quà tặng (tiền mặt/hiện vật không phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng)** cho mọi đối tượng khách hàng mua căn hộ của công ty thì không thuộc đối tượng chịu thuế TNCN.

XIII. Tặng suất du lịch khi khách hàng là cá nhân KD và cá nhân không KD mua hàng đạt mức nhất định có chịu thuế TNCN hay không?

Theo công văn 2875/TCT-DNNCN ngày 22//7/2019 trường hợp khách hàng là cá nhân **đạt doanh số được thưởng một chuyến du lịch (không phải bằng tiền)** theo chương trình khuyến mại được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của chính phủ **thì được xác định là thu nhập từ quà tặng không thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu nên không chịu thuế TNCN.**

▪ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)

I. **Hóa đơn điện tử cung cấp cho người mua để vận chuyển hàng hóa hữu hình phải có chữ ký của người bán**

Theo công văn 7161/CT-TTHT ngày 08/7/2019 của CT TPHCM về trường hợp công ty áp dụng hình thức sử dụng hóa đơn điện tử, **người mua có nhu cầu sử dụng chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông thì Công ty thực hiện chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để cung cấp cho người mua, hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa phải đáp ứng các quy định nêu tại khoản 2, 3, 4 Điều 12 thông tư số 32/2011/TT-BTC và phải có chữ ký người đại diện theo pháp luật của người bán, dấu của người bán theo quy định.**

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

II. Công ty có thể tự xây dựng chương trình phần mềm về hóa đơn điện tử để sử dụng

Theo công văn 7119/CT-TTHT ngày 08/7/2019 của CT TPHCM trong thời gian từ 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, trường hợp cơ quan thuế chưa thông báo doanh nghiệp chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP thì Công ty vẫn thực hiện phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn điện tử và tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính về hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP. **Công ty có thể tự xây dựng chương trình phần mềm về hóa đơn điện tử để sử dụng nếu Công ty đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 32/2011/TT-BTC.**

III. Khách hàng đã kê khai những hóa đơn hết giá trị sử dụng phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ

Theo công văn 7191/CT-TTNH ngày 09/07/2019 của CT TPHCM trường hợp công ty và khách hàng đã thỏa thuận thu hồi hóa đơn hết giá trị sử dụng (trong thời gian bỏ địa chỉ kinh doanh), đồng thời công ty đã lập hóa đơn mới thay thế thì **những hóa đơn hết giá trị sử dụng không đủ điều kiện để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào, nên khách hàng thực hiện kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ; khi khách hàng của công ty nhận được hóa đơn mới (thay thế hóa đơn hết giá trị sử dụng), khách hàng kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại kỳ tính thuế phát sinh hóa đơn thay thế.**

Trường hợp việc thu hồi hóa đơn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, đề nghị công ty cùng trao đổi với khách hàng để thương lượng giải quyết hoặc các bên thực hiện quyền của mình theo hợp đồng đã ký kết.

IV. Về chính sách thuế và hóa đơn trong thời gian bị cưỡng chế hóa đơn.

Theo công văn 2722/TCT-CS ngày 08/7/2019 của TCTC gửi CT Thừa Thiên – Huế thì trong thời gian bị cưỡng chế bằng biên pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, nếu người nộp thuế có văn bản đề nghị sử dụng từng hóa đơn lẻ cho từng lô hàng, hạng mục công trình hoàn thành để có nguồn thanh toán tiền lương công nhân, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục thì **Cục thuế các tỉnh, trực thuộc trung ương thực hiện tiếp tục cho người nộp thuế sử dụng từng hóa đơn lẻ với điều kiện người nộp thuế có văn bản cam kết thực hiện nộp ngay 18% doanh thu trên hóa đơn lẻ được sử dụng vào ngân sách nhà nước.**

Trường hợp trong thời gian cơ quan thuế ban hành Quyết định cưỡng chế nợ thuế bằng hình thức thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng không thuộc trường hợp không phải kê khai theo quy định tại khoản c, Điều 10 thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính, do đó người nộp thuế vẫn phải kê khai thuế theo quy định.

Theo trình bày của Cục thuế: **DN có phát sinh doanh thu bán hàng hóa, doanh thu từ hoạt động xây dựng cơ bản trong thời gian bị cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, nếu Công ty chưa xuất hóa đơn cho khách hàng và chưa thực hiện kê khai thuế GTGT nhưng có kê khai quyết toán thuế TNDN đối với doanh thu phát sinh trong thời gian bị cưỡng chế thì Công ty bị xử phạt đối với hành vi bán hàng không xuất hóa đơn và bị xử lý vi phạm hành**

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

chính trong lĩnh vực thuế đối với hành vi khai sai, khai thuế phải nộp. Ngoài ra, Công ty bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi bán hàng không lập hóa đơn trong thời gian cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng theo quy định.

V. Hóa đơn điện tử mua vào không có chỉ tiêu ngày ký tên có được khấu trừ thuế GTGT và được tính vào CP được trừ

Theo công văn 2947/TCT-CS ngày 29/7/2019 của TCT gửi VPCP và công văn 3054/TCT-CS ngày 05/8/2019 của TCT gửi VPCP như sau:

Căn cứ Điều 7, điều 15 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của chính phủ quy định hóa đơn điện tử và lập hóa đơn.

Căn cứ khoản 2 điều 16 thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 13/3/2014 của BTC hướng dẫn lập hóa đơn.

Căn cứ điều 6, điều 8 thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của tài chính hướng dẫn hóa đơn điện tử và lập hóa đơn điện tử.

Căn cứ điều 6, điều 7 và điều 35 nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Căn cứ quy định trên, về nguyên tắc, trường hợp áp dụng hóa đơn điện tử theo nghị định số 51/2010/NĐ-CP, thông tư số 39/2014/TT-BTC, thông tư số 32/2011/TT-BTC thì thời điểm lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 16 thông tư số 39/2014/TT-BTC. Theo đó, đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu và quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền; đối với cung ứng dịch vụ là việc hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Khi lập hóa đơn điện tử phải có đầy đủ các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 6 thông tư số 32/2011/TT-BTC.

Từ ngày 01/11/2020, việc áp dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của chính phủ và các văn bản thi hành.

VI. Về thời điểm bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử

Căn cứ công văn 3007/TCT-CS ngày 01/8/2019 của TCT gửi VPCP tại khoản 2 điều 151 Luật quản lý thuế số 38/QH14/2019 quy định:

“Điều 151. Hiệu lực thi hành

- 1. Luật này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2020, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.*
- 2. Quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của luật này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2022; khuyến khích các cơ quan, tổ chức áp dụng về hóa đơn, chứng từ điện tử của luật này trước ngày 01 tháng 7 năm 2022.”*

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER

THÁNG 8/2019

Căn cứ các quy định nêu trên, nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/11/2018. Cơ sở kinh doanh và cơ quan thuế có thời hạn 24 tháng (từ ngày 1/11/2018 đến ngày 31/10/2020) để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất và con người để áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại nghị định 119/2018/NĐ-CP. Trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, các nghị định 51/2010/NĐ-CP và nghị định 04/2014/NĐ-CP của chính phủ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Vừa qua quốc hội đã thông qua luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, tại chương X luật quản lý thuế cũng có quy định về việc áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử. Tại điều 151 Luật quản lý thuế quy định hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022; khuyến khích cơ quan tổ chức cá nhân quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này trước ngày 01/7/2022.

Để triển khai thực hiện Luật quản lý thuế, BTC sẽ trình chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14

▪ THUẾ NHÀ THẦU (“FCT”)

I. Thuế nhà thầu bị khấu trừ khi cung cấp dịch vụ tại nước ngoài có được tính vào CP được trừ?

Theo công văn 7188/CT-TTHT ngày 09/7/2019 của CT TPHCM thì căn cứ vào điều 7 hiệp định tránh đánh thuế 2 lần giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ liên bang Myanmar trường hợp công ty theo trình bày cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp tại Myanmar, khi chi trả tiền cho Công ty, doanh nghiệp tại Myanmar đã khấu trừ thuế thương mại và thuế nhà thầu; **nếu việc cung cấp dịch vụ nêu trên hình thành nên cơ sở thường trú của công ty tại Myanmar thì số thuế bị khấu trừ công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN**, Công ty có trách nhiệm lưu trữ các giấy tờ chứng minh việc bị khấu trừ thuế (Công ty có thể lưu trữ dưới dạng bản chụp).

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ nêu trên không hình thành cơ sở thường trú của công ty tại Myanmar thì khoản thu nhập nêu trên công ty không phải nộp thuế tại Myanmar.

▪ THUẾ TNDN (“TNDN”)

I. Hướng dẫn xác định chi phí lãi vay theo khoản 3 điều 8 nghị định 20/2017/NĐ-CP

Theo công văn 3002/TCT-DNL ngày 01/8/2019 của TCT gửi VPCP, cty Luật Minh Đăng Quang thì Tổng cục thuế nhận được văn bản số 3095/VPVP –ĐMDN ngày 05/4/2018 của văn phòng chính phủ chuyển đến tổng cục thuế nêu vướng mắc và kiến nghị của quý công ty về chính sách thuế liên quan đến chi phí lãi vay theo nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của chính phủ quy định về luật quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Về vấn đề này tổng cục thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 1 điều 156 luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 quy định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật:

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

Căn cứ vào khoản 1 điều 2 nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định người nộp thuế (NNT) thuộc đối tượng áp dụng nghị định 20/2017/NĐ-CP;

Căn cứ vào khoản 3 điều 8 nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Căn cứ vào điều 14 nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định hiệu lực thi hành của nghị định số 20/2017/NĐ-CP

Căn cứ vào điều 6 thông tư 41/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định hiệu lực thi hành của Thông tư số 41/2017/TT-BTC.

Căn cứ các quy định nêu trên:

- **Đối tượng áp dụng quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP là NNT có phát sinh giao dịch với các bên liên kết theo quy định tại điều 5 nghị định số 20/2017/NĐ-CP**, trừ trường hợp NNT là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm.
- Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của NNT được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại khoản 3 điều 8 nghị định số 20/2017/NĐ-CP **được tính trên tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không phân biệt chi phí lãi vay phát sinh từ giao dịch vay với bên liên kết hay bên độc lập và không bù trừ với doanh thu lãi tiền gửi, lãi tiền vay.**
- Về việc xác định chi phí lãi vay được trừ để xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại khoản 3 điều 8 nghị định số 20/2017/NĐ-CP trong năm tài chính 2017:

+ Áp dụng quy định đối với chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 1/5/2017 trở đi hết năm tài chính, không phân biệt hợp đồng vay được ký kết trước hay sau ngày 01/5/2017

+ Trường hợp NNT hạch toán theo dõi riêng được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ 01/5/2017 đến hết năm tài chính thì các chỉ tiêu để tính “Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ” được xác định theo số liệu phát sinh thực tế.

+ Trường hợp NNT không hạch toán theo dõi riêng được kết quả kinh doanh từ 01/5/2017 đến hết năm tài chính thì các chỉ tiêu để tính “Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ” được phân bổ tương ứng với số tháng còn lại của năm tài chính kể từ ngày 01/5/2017.

Những kiến nghị của quy công ty liên quan đến quy định giới hạn của chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tại khoản 3 điều 8 nghị định số 20/2017/NĐ-CP đã được tổng cục thuế nghiên cứu, tổng hợp để tham mưu với bộ tài chính báo cáo thủ tướng chính phủ xem xét, chỉ đạo.

Đồng thời, Tổng cục thuế tiếp tục nghiên cứu các kiến nghị, đề xuất quý công ty để trình Bộ tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 20/2017/NĐ-CP cùng với các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật quản lý Thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

▪ KHÁC

I. Quy định liên quan đến nghiệm thu bảo dưỡng hệ thống phòng cháy, chữa cháy

Theo công văn 1958/BCA-V03 ngày 17/7/2019 của BCA gửi VPCP thì việc bảo dưỡng và nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy sau bảo trì, bảo dưỡng thuộc trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy có trách nhiệm kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy (trong đó có kiểm tra các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy cơ sở) theo quy định tại điều 18, nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, chữa cháy hiện hành, việc bảo dưỡng định kỳ hệ thống phòng cháy, chữa cháy của cơ sở không yêu cầu phải có nghiệm thu của cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy. Nếu cơ quan cảnh sát phòng cháy, chữa cháy địa phương yêu cầu cơ sở sau khi bảo dưỡng hệ thống phòng cháy, chữa cháy **phải mời cơ quan cảnh sát phòng cháy, chữa cháy xuống kiểm tra, nghiệm thu là không đúng quy định của pháp luật**. Tuy nhiên căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ sở có thể đề nghị cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật và các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy trong việc bảo dưỡng phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Cơ quan cảnh sát phòng cháy, chữa cháy có trách nhiệm kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy (trong đó có kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy) theo quy định tại Điều 18, nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của chính phủ và điều 11, thông tư số 52/2014/TT-BCA ngày 28/10/2014 của Bộ Công An.
- Theo quy định tại thông tư số 52/2014/TT-BCA ngày 28/10/2014 của bộ công An thì trách nhiệm bảo dưỡng hệ thống phòng cháy và chữa cháy là của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở và người được giao quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy và chữa cháy, về năng lực người thực hiện kiểm tra bảo dưỡng hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động, được xác định là: **Những người trong nội bộ cơ sở đã được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại điều 34, nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của chính phủ được thực hiện bảo dưỡng bình chữa cháy và kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động**. Tuy nhiên, cơ sở cần phải có đầy đủ trang thiết bị kỹ thuật để thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy đồng thời, phải chịu trách nhiệm về chất lượng công tác kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy.
- **Do đó, việc công ty ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực về bảo dưỡng phòng cháy, chữa cháy, có đầy đủ thiết bị để thực hiện bảo dưỡng hệ thống phòng cháy, chữa cháy tiến hành bảo dưỡng hệ thống phòng cháy, chữa cháy là đảm bảo các quy định pháp luật.**

II. Kinh doanh BDS: Về loại hình văn phòng kết hợp lưu trú (officetel)

Theo công văn 131/BXD-QLN ngày 14/6/2019 của BXD gửi VPCP thì Bộ xây dựng có ý kiến như sau:

1. Theo quy định tại khoản 2 điều 14 luật kinh doanh bất động sản thì: “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài được thuê các loại bất động sản để sử dụng; được mua, thuê mua nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở”

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

Theo quy định nêu trên thì cá nhân nước ngoài được thuê căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú (officetel) để sử dụng theo đúng công năng của căn hộ đó.

2. Khoản 11 điều 6 luật nhà ở quy định cấm “Sử dụng căn hộ chung cư vào mục đích không phải để ở” chỉ điều chỉnh đối với căn hộ chung cư (nhà ở) chứ không điều chỉnh với loại hình căn hộ, công trình khác (không phải là nhà ở).
3. Theo quy định tại khoản 2 điều 10 luật kinh doanh bất động sản và quy định tại khoản 1, khoản 7 điều 5 nghị định 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật kinh doanh bất động sản thì **hộ gia đình, cá nhân cho thuê bất động sản (kể cả căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú) thuộc sở hữu của mình thì không phải thành lập doanh nghiệp nhưng phải kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.**

III. Công ty có được ủy quyền cho chi nhánh ký hợp đồng và đóng dấu của chi nhánh không?

Theo công văn 4852/BKHĐT-QLĐT ngày 12/7/2019 của BKH&ĐT gửi VPCP thì theo hướng dẫn tại mẫu số 02 phần thứ hai mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn ban hành kèm theo thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT của bộ kế hoạch và đầu tư thì người đại diện theo pháp luật của nhà thầu được ủy quyền cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu thực hiện một hoặc một số nội dung công việc trong quá trình tham dự thầu (trong đó có việc ký kết hợp đồng). **Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.** Người được ủy quyền không được tiếp xúc ủy quyền cho người khác.

Theo đó, việc người đại diện theo pháp luật của quý công ty ủy quyền cho giám đốc chi nhánh ký hợp đồng và sử dụng con dấu của chi nhánh là không trái với hướng dẫn nêu trên. Tuy nhiên, trong trường hợp này, chủ thể của hợp đồng vẫn là nhà thầu trúng thầu (Công ty) mà không phải chi nhánh và nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về việc thực hiện hợp đồng.

IV. Về việc đăng ký chủ quản của địa điểm kinh doanh

Theo công văn 4914/BKHĐT – ĐKKD ngày 15/7/2019 của BKH&ĐT gửi VPCP thì theo khoản 2 điều 48 nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định: **“Khi thay đổi các nội dung đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp phải gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện. Khi nhận được thông báo của doanh nghiệp, Phòng đăng ký kinh doanh trao giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, phòng đăng ký kinh doanh cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.”**

Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh quy định tại phụ lục 11-13 ban hành kèm theo thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của BKH&ĐT sửa đổi,

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019

bổ sung một số điều của thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn về đăng ký DN.

V. **XNK: Số invoice thực tế và số invoice trong C/O không giống nhau hoàn toàn có được chấp nhận cho hưởng ưu đãi thuế quan?**

Theo công văn 4412/BCT-XNK ngày 21/6/2019 của BCT gửi VPCP căn cứ vào:

Điều 35 (kiểm tra xuất xứ hàng hóa) Luật quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 quy định:

“1. Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và việc chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu của thương nhân.

2. Bộ tài chính có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan hải quan kiểm tra xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.”

Thực hiện cam kết trong hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AIFTA), Bộ Công Thương đã ban hành thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15/04/2010 thực hiện quy tắc xuất xứ trong hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ. Theo đó, điểm b và c khoản 1 điều 4 phụ lục 4 ban hành kèm theo thông tư số 15/2010/TT-BCT quy định:

“1. Tổ chức cấp C/O tiến hành kiểm tra từng trường hợp đề nghị cấp C/O mẫu AI để đảm bảo rằng:

Xuất xứ của hàng hóa tuân thủ đúng quy tắc xuất xứ nêu tại Phụ Lục 1;

Các nội dung khác khai trên C/O mẫu AI phù hợp với chứng từ được nộp;”

Điều 7 phụ lục 4 ban hành kèm theo thông tư số 15/2010/TT-BTC quy định:

“Không được phép tẩy xóa hoặc viết thêm lên C/O mẫu AI. Mọi sự sửa đổi phải được thực hiện bằng cách gạch bỏ chỗ có lỗi và bổ sung các thông tin cần thiết. Tất cả những thay đổi và sửa chữa này phải được chấp thuận bởi người có thẩm quyền ký C/O và được tổ chức cấp C/O chứng nhận.”

Như vậy, Cục hải quan thành phố Hải Phòng đề nghị công ty liên hệ với nhà xuất khẩu Ấn Độ để yêu cầu đính chính thông tin có sai sót trên C/O mẫu AI đã cấp là phù hợp với cam kết trong hiệp định AIFTA và thông tư số 15/2010/TT-BCT của Bộ Công Thương.

Để xác định sai sót nêu trên có được tính sai sót nhỏ (như lỗi chính tả) và xem xét, cho hưởng ưu đãi thuế quan, đề nghị Công ty liên hệ với tổng cục Hải Quan (Bộ Tài chính) để được hướng dẫn theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

VI. **Về việc đề nghị Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc cục Hải Quan TP.HCM dời lại việc kiểm tra sau thông quan.**

Theo Công văn 4046/TCHQ-KTSTQ ngày 19/6/2019 của TCHQ gửi VPCP thì tổng cục hải quan nhận được công văn số 4695/VPCP-ĐMDN ngày 31/5/2019 của Văn phòng chính phủ về kiến nghị của Công ty H về việc đề nghị chi cục kiểm tra sau thông quan thuộc cục Hải Quan TP.HCM dời lại việc kiểm tra sau thông quan, về vấn đề này, Tổng cục hải quan có ý kiến như sau:

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

NEW LETTER THÁNG 8/2019



Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Cục hải quan TPHCM và nội dung kiến nghị của công ty, Tổng cục hải quan chuyển công văn số 4695/VPCP-ĐMDN ngày 31/5/2019 của Văn phòng chính phủ đến Cục Hải quan TP HCM để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền, đồng thời, gửi Cổng thông tin điện tử Chính Phủ và báo cáo Tổng cục Hải Quan kết quả xử lý.

Đề nghị Cục Hải Quan TPHCM thực hiện nghiêm túc công văn 7633/TCHQ-KTSTQ ngày 26/12/2018 của Tổng cục Hải Quan về việc triển khai công tác kiểm tra sau thông quan và công văn số 3106/TCHQ-KTSTQ ngày 20/5/2019 của tổng cục Hải Quan về việc kiện toàn, tránh trùng lặp trong thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra sau thông quan.

Theo công văn 7633/TCHQ-KTSTQ ngày 26/12/2018 của TCHQ triển khai công tác kiểm tra sau thông quan năm 2019 như sau:

TCHQ yêu cầu các đơn vị chủ động tăng cường thu thập, phân công thông tin, rà soát (trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro) các DN trọng điểm, địa bàn trọng điểm; các lô hàng có dấu hiệu rủi ro cao, các trường hợp nghi ngờ về mã số, trị giá, C/O, các trường hợp khai sai mức thuế MFN, thuế suất FTA tại các biểu thuế, các trường hợp miễn thuế, hoàn thuế không đúng quy định để thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.

Công tác KTSTQ cần căn cứ nguồn lực, trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin rủi ro từ cao xuống thấp để xây dựng kế hoạch năm 2019 theo hai hướng:

Thứ nhất, chỉ kiểm tra đánh giá sự tuân thủ không quá 5% tổng số cuộc kiểm tra sau thông quan. Trong đó kế hoạch kiểm tra lập chi tiết, cụ thể cho từng cuộc kiểm tra, nêu rõ tên DN, mã số thuế, kim ngạch xuất nhập khẩu tối thiểu trong 02 năm trở lại, loại hình DN, mã số thuế, dấu hiệu nghi vấn, lý do lựa chọn, dự kiến số thuế truy thu (nếu có)

Thứ hai, trường hợp các cuộc KTSTQ theo dấu hiệu vi phạm và KTSTQ trên cơ sở nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro, các đơn vị đề xuất kế hoạch số lượng DN kiểm tra hoặc danh sách doanh nghiệp dự kiến kiểm tra (nếu đã rõ). **Trong đó, lựa chọn các trường hợp đặc biệt rủi ro thực hiện KTSTQ 1 năm/lần; các trường hợp rủi ro cao kiểm tra 02 năm/lần và các trường hợp rủi ro trung bình kiểm tra 03 năm/lần; các trường hợp rủi ro thấp kiểm tra 3-5 năm/lần.**

The content on this Bulletin is for reference only, not official consultation to enterprises. For more information please contact PHAM & ASSOCIATES CONSULTING COMPANY

PHAM & ASSOCIATES CONSULTING CO.,LTD
HQ : 7th floor, 248-250 Nguyen Dinh Chieu St, Dist 3, HCMC
Hanoi office: 6th floor, 54 Lang Ha St, Dong Da Dist, Ha Noi

Email: info@phamconsult.com Web: phamconsult.com
Tel : [+84-8] 3930 2487 Fax: [+84-8] 3930 2478
Tel : [+84-4] 3248 4862 Fax: [+84-4] 3248 4864

